TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25-02-2021
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Điệp;

Ông Trần Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 754/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Minh Đ, sinh năm 1985 (xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Ngọc C, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 9 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn ông Võ Minh Đ trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Ông Đ và bà C có thời quen biết, tìm hiểu nhau nên tiến đến hôn nhân vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức đám cưới nhưng đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp nhau nên thường xuyên cự cải nhau và khi ông Đ đi ghe biển thì

bà C ở nhà tự ý bỏ đi về nhà cha mẹ ruột ở được vài ngày rồi bỏ đi làm ở Sài Gòn nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân ông Đ và bà C cũng không có gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn hôn nhân. Xét thấy, hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn hôn nhân nên ông Đ yêu cầu ly hôn với bà C.

- Về con chung: Có 01 người con tên Võ Minh T, sinh ngày 07/12/2010 (nam), hiện đang sống chung với bà C. Khi ly hôn, ông Đ đồng ý giao con chung cho bà C nuôi dưỡng và chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn bà Bùi Thị Ngọc C:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà bà C không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của ông Đ. Đồng thời, Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ 02 lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà C không tham gia nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Võ Minh Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn bà Bùi Thị Ngọc C đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà C là có căn cứ.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Ông Đ và bà C có thời quen biết, tìm hiểu nhau nên tiến đến hôn nhân vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức đám cưới nhưng đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 172 ngày 26 tháng 8 năm 2013. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của ông Đ và bà C được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Xét thấy, ông Đ xin ly hôn là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp nhau nên thường xuyên cự cải nhau và khi ông Đ đi ghe biển thì bà C ở nhà tự ý bỏ đi về nhà cha mẹ ruột ở được vài ngày rồi bỏ đi làm ở Sài Gòn nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân ông Đ và bà C cũng không có gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn hôn nhân. Mặt khác, bà C đã được Tòa án thông báo hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bà C vẫn vắng mặt, từ đó cho thấy bà C cũng không có thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa bà C với ông Đ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà C với ông Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đ. Ông Đ được ly hôn với bà C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Võ Minh T, sinh ngày 07/12/2010 (nam), hiện đang sống chung với bà C. Khi ly hôn, ông Đ đồng ý giao con chung là Võ Minh T cho bà C nuôi dưỡng và chăm sóc. Xét thấy, từ khi ông Đ và bà C sống ly thân cho đến nay thì cháu T vẫn sống chung với bà C, cuộc sống của cháu T đã được ổn định nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Đ, giao con tên Võ Minh T, sinh ngày 07/12/2010 (nam) cho bà C được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc.

Ông Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp chận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên ông Đ phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Võ Minh Đ. Ông Võ Minh Đ được ly hôn với bà Bùi Thị Ngọc C.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Bùi Thị Ngọc C nuôi dưỡng và chăm sóc con tên Võ Minh T, sinh ngày 07/12/2010 (nam).

Ông Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, ông Đ phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, ông Đ có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004200 ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

"Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H.Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Hưng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo